

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 09 - 12 - 2021

“V/v: Ly hôn và tranh chấp  
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Bình

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Trần Anh Tuấn  
2. Ông Hoàng Kim Khánh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 26/2021/HNGĐ-PT ngày 08/11/2021 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 101/2021/HNGĐ-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXX-PT ngày 11/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐ-PT, ngày 26/11/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Thanh T - Sinh năm: 1986; địa chỉ: Tổ B, phường P, thành phố N, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Anh H - Sinh năm: 1982; địa chỉ: Đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông Trần Anh H, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Về yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện và theo trình bày của nguyên đơn bà Mai Thị Thanh T có nội dung như sau:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thanh T và ông Trần Anh H là vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do

bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát và cãi vã nhau. Đến tháng 4/2021 trong khi cãi vã ông H có đánh bà T bị thương tích nhẹ nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà T và ông H có 01 con chung là cháu Trần Kiến V - sinh ngày 02/9/2018. Bà T xác định hiện nay bà có việc làm và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện nuôi con, hơn nữa hiện nay con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Còn ông H không có việc làm, thường xuyên ăn nhậu không chăm lo cho con, nên bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu ông H phải cấp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Anh H trình bày có nội dung như sau:***

Ông H xác định về quan hệ hôn nhân và con chung của hai vợ chồng như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, nhà cửa không có, chị T ham mê bài bạc, làm số đề, cá độ bóng đá nên dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Ông H xác định không còn tình cảm vợ chồng nên cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông H có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu bà T cấp dưỡng. Bởi vì, kể từ khi ly thân đến nay con chung ở cùng ông H và do ông chăm sóc, còn bà T bỏ đi làm thuê không có nhà cửa, việc làm ổn định nên không đảm bảo việc nuôi con chung. Ông T xác định hiện nay ông làm nghề buôn bán cây cảnh và mở quán cà phê mức thu nhập bình quân khoảng 50.000.000 đồng/tháng, nên có đủ điều kiện nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H thống nhất với ý kiến của bà T và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

***Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 101/2021/HNGĐ-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Thanh T xin ly hôn anh Trần Anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thanh T xin ly hôn anh Trần Anh H.

Về con chung: Giao 01 con chung là Trần Kiến V, sinh ngày 02/9/2018, cho chị Mai Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Trần Anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2021 bị đơn ông Trần Anh H có đơn kháng cáo, với nội dung: Ông H không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên giao con chung cho bà Mai Thị Thanh T nuôi dưỡng và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết giao cho ông H được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Kiến V, sinh ngày 02/9/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Mai Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Trần Anh H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trần Kiến V, sinh ngày 02/9/2018 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì: Kể từ khi sống ly thân đến nay, con chung do ông H nuôi dưỡng và cháu là hơn 36 tháng tuổi; bản thân ông có nhà và nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện và đảm bảo được việc nuôi con; còn bà T thì đang ở trọ, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không thể đảm bảo việc nuôi con.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định:* Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Bà T và ông H có 01 con chung là Trần Kiến V, sinh ngày 02/9/2018, hiện nay con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời bà T có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện nuôi con. Do đó bản án sơ thẩm giao con chung cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Ông H cho rằng bà T mê cờ bạc, nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, kháng cáo của ông Trần Anh H là không có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung; các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng

cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Anh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Giữa bà Mai Thị Thanh T và ông Trần Anh H có 01 con chung là cháu Trần Kiến V, sinh ngày 02/9/2018, cả bà T và ông H đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ, khi xem xét giao con chung cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng, cần phải xem xét đến quyền lợi của con, cũng như điều kiện hoàn cảnh của cha mẹ; đối với bà T, hiện nay làm nhân viên văn phòng, có chỗ ở, thu nhập hàng tháng ổn định và thời gian cũng như điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; đồng thời, hiện nay con chung còn rất nhỏ (chỉ mới hơn 03 tuổi), nên cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường về mọi mặt của con chung. Ông H cho rằng bà T có lối sống không chuẩn mực, không có thu nhập, chỗ ở ổn định và không đủ điều kiện nuôi con chung, nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ xác thực để chứng minh.

Như vậy, bản án sơ thẩm đã giao con chung là cháu Trần Kiến V, sinh ngày 02/9/2018 cho bà Mai Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, là đã xem xét, cân nhắc về điều kiện kinh tế, hoàn cảnh thực tế của các bên, nhằm để đảm bảo được quyền lợi, sự phát triển bình thường về mọi mặt của con chung và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc ông Trần Anh H kháng cáo yêu cầu giao con chung cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, là không có cơ sở chấp nhận, nên Hội đồng xét xử cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung, là phù hợp.

[2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Anh H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 101/2021/HNGĐ-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần con chung.

Áp dụng: Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Thanh T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị Thanh T và ông Trần Anh H.

[2] Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Kiến V, sinh ngày 02/9/2018 cho bà Mai Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên (tròn 18 tuổi).

Ông Nguyễn Trần Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Mai Thị Thanh T không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Mai Thị Thanh T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0013709 ngày 14/01/2021, bà T được nhận lại 150.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0004680 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao (Vụ 2);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Công Bình**